

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 252/2020/DS-PT

Ngày 22 - 7 - 2020

V/v Tranh chấp về thừa kế tài sản,
hủy văn bản công chứng, hủy cập
nhật đăng bộ và đòi tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Thủy;

Các Thẩm phán: Ông Lê Thành Văn;

Ông Phạm Công Mười.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Bảo - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Văn Vâng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 189/2020/TLPT-DS ngày 12 tháng 3 năm 2020 về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản, hủy văn bản công chứng, hủy cập nhật đăng bộ và đòi tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 1553/2019/DS-ST ngày 05 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1373/2020/QĐ-PT ngày 06 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Cung Hồng Kim Tr, sinh năm 1966. (có mặt)

Địa chỉ: đường L, Phường 13, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: đường L1, Phường 4, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Hồng Nh – Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

- Bị đơn: Ông Cung Hồng H, sinh năm 1969. (có mặt)

Địa chỉ: đường L, Phường 13, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1/. Ông Cung Thúc Tr, chết năm 2015.

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Cung Thúc Tr:

- 1.1/. Bà Cung Hồng Kim Tr, sinh năm 1966. (có mặt)
- 1.2/. Ông Cung Hồng H, sinh năm 1969. (có mặt)
- 1.3/. Bà Cung Thị Thanh Ph, sinh năm 1959. (vắng mặt)
- 1.4/. Bà Cung Thị Hồng D, sinh năm 1961. (vắng mặt)
- 1.5/. Bà Cung Hồng Kim Ch, sinh năm 1963. (vắng mặt)
- 1.6/. Bà Cung Hồng Kim Th, sinh năm 1973. (vắng mặt)

2/. Bà Cung Thị Thanh Ph, sinh năm 1959

Địa chỉ: C C, T O M2L 2J4, Canada.

Người đại diện hợp pháp của bà Ph: Bà Cung Hồng Kim Tr, sinh năm 1966. (có mặt)

3/. Bà Cung Hồng Kim Ch, sinh năm 1963. (vắng mặt)

Địa chỉ: G S18 G G CA 92844, USA.

4/. Bà Cung Thị Hồng D, sinh năm 1961. (vắng mặt)

Địa chỉ: đường Th, Phường 14, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

5/. Bà Cung Hồng Kim Th, sinh năm 1973.

Địa chỉ: đường L, Phường 13, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bà Thoa: Bà Cung Thị Hồng D, sinh năm 1961. (vắng mặt)

6/. Bà Trần Thị K, sinh năm 1962. (vắng mặt)

Địa chỉ: đường Ng, Phường 5, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

7/. Công ty TNHH MTV Bánh B

Địa chỉ: chung cư P, Phường 15, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Bà Đỗ Thị Thanh Ng. (vắng mặt)

8/. Phòng Công chứng số 2, Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ: đường N, Phường 7, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thị Kim Th. (vắng mặt)

9/. Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ: đường B, Phường 10, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Phí Đình Ch - Phó Giám đốc. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Cung Hồng Kim Tr.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Cung Hồng Kim Tr trình bày:

Cha mẹ của bà là ông Cung Thúc Tr và bà Đào Thị T, ông bà có tất cả 06 người con chung gồm: Cung Thị Thanh Ph, Cung Thị Hồng D, Cung Hồng Kim Ch, Cung Hồng H, Cung Hồng Kim Th, Cung Hồng Kim Tr. Ông bà nội, ngoại của bà đã chết từ rất lâu và cha mẹ bà cũng không có con nuôi hay con riêng.

Quá trình chung sống, ông Tr và bà T có tạo lập được khối tài sản là căn nhà đất số 323 L, Phường 13, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh và căn nhà đất số 347/164 L, Phường 13, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh. Hai căn nhà, đất đã có Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở. Bà T chết ngày 01/3/2011, khi chết không để lại di chúc.

Sau khi bà T chết, ông Tr và người con Cung Hồng H quản lý, sử dụng các tài sản trên.

Ngày 24/6/2011, ông Tr cùng với 6 người con đến Phòng công chứng số 2, Thành phố Hồ Chí Minh ký hai Văn bản khai nhận di sản đối với căn nhà đất số 323 L, Phường 13, Quận 11 và căn nhà đất số 347/164 L, Phường 13, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 26/7/2011, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh đã cập nhật thay đổi tên chủ sở hữu nhà của 02 căn nhà, đất nêu trên.

Đến ngày 27/7/2011, ông Cung Thúc Tr và Cung Hồng H đến Phòng Công chứng số 2, Thành phố Hồ Chí Minh lập Hợp đồng tặng cho một phần nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 023018/HĐ-TCND và Hợp đồng tặng cho một phần nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 023019/HĐ-TCND, theo đó thì ông Tr đã tặng cho ông H phần tài sản của mình gồm phần sở hữu, sử dụng của ông Tr và phần ông Tr được thừa kế từ bà T (vợ) đối với căn nhà đất số 323 L, Phường 13, Quận 11 và căn nhà đất số 347/164 L, Phường 13, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì ông Cung Hồng H đã lợi dụng sự tin tưởng và không minh mẫn của ông Cung Thúc Tr lừa gạt ông Tr ký tặng cho phần tài sản của ông Tr đối với 02 căn nhà, đất số 323 và số 347/164 L, Phường 13, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh chứ thực tế ông Tr không có ý định cho riêng ông Cung Hồng H.

Do đó, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án chia thừa kế phần di sản của mẹ là bà Đào Thị T cho cha bà và các anh chị em trong gia đình được hưởng theo quy định pháp luật. Buộc ông Cung Hồng H phải chấm dứt hợp đồng thuê nhà số 323 L, Phường 13, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh với bà Trần Thị K và chia tiền thuê nhà có được cho bà và các đồng thừa kế.

Yêu cầu Tòa án hủy bỏ 02 Văn bản khai nhận di sản căn nhà số 323 L, Phường 13, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh và căn nhà số 347/164 L, Phường 13, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Yêu cầu Tòa án hủy bỏ Hợp đồng tặng cho một phần nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 023018/HĐ-TCND và Hợp đồng tặng cho một phần nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 023019/HĐ-TCND ký cùng ngày 24/6/2011 tại Phòng công chứng số 2, Thành phố Hồ Chí Minh giữa ông Cung Thúc Tr và ông Cung Hồng H.

Yêu cầu Tòa án hủy phần cập nhật biến động trên Giấy chứng nhận quyền sở

hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 1446/2007/UB.GCN ngày 08/10/2007 và Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 0250/2008/UB.GCN ngày 31/01/2008 cùng của UBND Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn ông Cung Hồng H trình bày:

Thông nhất với lời khai của nguyên đơn về quan hệ huyết thống: cha của ông là ông Cung Thúc Tr, chết năm 2015 (chết sau khi Tòa án thụ lý vụ án) và mẹ là bà Đào Thị T, chết năm 2011. Ông Tr và bà T có tất cả 06 người con chung như ý kiến nguyên đơn trình bày là đúng.

Xác nhận nhà đất số 323 L, Phường 13, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh và nhà đất số 347/164 L, Phường 13, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh; nhà đất đã có giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở là tài sản của bà T và ông Tr tạo lập trong thời kỳ hôn nhân. Sau khi bà T chết, ngày 24/4/2011, ông Tr lập di chúc có chứng thực của Chủ tịch UBND Phường 13, Quận 11. Nội dung di chúc ông Tr đồng ý cho 06 người con tất cả tài sản của ông gồm 1/2 nhà đất số 323 L, Phường 13, Quận 11; 1/2 nhà đất số 347/164 L, Phường 13, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh và phần thừa kế ông được hưởng từ di sản của bà Đào Thị T có kỹ phần 1/7. Sau khi lập di chúc, ông Tr cùng 06 người con đến Phòng Công chứng số 2, Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành lập 02 Văn bản khai nhận di sản cùng ngày 24/6/2011 để xác định 02 căn nhà, đất số 323 và số 347/164 L, Phường 13, Quận 11 thuộc quyền sở hữu chung của ông Tr và các con. Ngày 27/7/2011, tại Phòng Công chứng số 2, Thành phố Hồ Chí Minh; ông Cung Thúc Tr ký 02 Hợp đồng tặng cho một phần nhà ở và quyền sử dụng đất ở, nội dung các Hợp đồng là ông Tr đồng ý tặng cho ông phần tài sản của ông Tr và phần di sản được hưởng từ vợ bà Đào Thị T tại nhà, đất số 323 và nhà, đất số 347/164 L, Phường 13, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi được tặng cho nhà đất, ông đã làm thủ tục đăng bộ được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất Quận 11 cập nhật ngày 15/9/2011 cùng sử dụng đất và cùng sở hữu một phần tài sản với bà Cung Thị Thanh Ph, bà Cung Thị Hồng D, bà Cung Hồng Kim Ch, bà Cung Hồng Kim Tr, bà Cung Hồng Kim Th.

Năm 2015, ông Tr chết. Nhà đất số 323 L, Phường 13, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh được ông ký hợp đồng cho bà Trần Thị K thuê làm bánh vào ngày 14/5/2015, thời hạn thuê 05 năm, giá thuê 18.000.000đồng/tháng. Tuy nhiên đến ngày 15/9/2016 bà K không tiếp tục thuê, ông và bà K thanh lý hợp đồng cùng ngày. Ngày 15/9/2016, ông ký hợp đồng cho Công ty TNHH bánh B thuê phần mặt tiền, thời hạn thuê 03 năm, giá thuê 18.000.000đồng/tháng, còn phần sau gia đình ông ở. Nhà, đất số 347/164 L, Phường 13, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh để trống không ai sử dụng. Theo yêu cầu của nguyên đơn đòi hủy 02 Văn bản khai nhận di sản ngày 24/6/2011 tại Phòng Công chứng số 2, Thành phố Hồ Chí Minh, hủy 02 Hợp đồng tặng cho một phần nhà ở và quyền sử dụng đất ở ký ngày 27/7/2011 tại Phòng Công chứng số 2, Thành phố Hồ Chí Minh giữa ông Cung Thúc Tr và ông Cung Hồng H, hủy phần cập nhật biến động của Văn phòng đăng ký đất đai Quận 11 tại các giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng

đất ở của nhà, đất số 323 L và nhà, đất số 347/164 L Phường 13, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh; ông không chấp nhận.

Về yêu cầu chấm dứt Hợp đồng thuê nhà số 323 L, Phường 13, Quận 11 ông không đồng ý nhưng ông sẽ chia tiền thuê nhà cho các đồng thừa kế theo kỹ phần được hưởng, về yêu cầu chia thừa kế của bà Đào Thị T đề nghị chia theo pháp luật, phần tài sản của ông Cung Thúc Tr đã tặng cho ông nên ông được hưởng. Ông có yêu cầu nhận hiện vật là một trong hai căn nhà nhưng trước khi chia di sản phải trả lại ông số tiền 500.000.000 đồng chi phí bỏ ra sửa chữa nhà 323 L. Đối với số tiền sửa chữa nhà do Trần Thị K bỏ ra khi thuê nhà, ông đồng ý trả lại toàn bộ theo yêu cầu của bà K, không yêu cầu các đồng thừa kế phải cùng trả số tiền này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập bà Trần Thị K trình bày:

Ngày 14/5/2015, bà và ông Cung Hồng H có ký Hợp đồng thuê một phần căn nhà số 323 L, Phường 13, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh để kinh doanh các loại bánh. Thời hạn thuê là 05 năm, giá thuê 18.000.000đồng/tháng. Đến ngày 15/9/2016, bà và ông H có lập biên bản thanh lý Hợp đồng thuê nhà. Trong quá trình thuê nhà bà có bỏ tiền đầu tư sửa chữa, trang trí nội thất trị giá 368.657.248 đồng. Trường hợp nếu Hợp đồng thuê nhà không được thực hiện do liên quan đến vụ việc tranh chấp chia thừa kế căn nhà 323 L, Phường 13, Quận 11 mà bên cho thuê chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn đối với bên thuê thì bà yêu cầu được bồi thường 100% giá trị chi phí đầu tư tương ứng với số tiền 368.657.248 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Quận 11 có đại diện ông Phí Đình Ch trình bày:

Việc ông Cung Thúc Tr tặng cho phần quyền sở hữu, sử dụng và phần được thừa kế của ông Tr trong căn nhà số 323 L và căn nhà số 347/164 L, Phường 13, Quận 11 cho ông Cung Hồng H, được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai quận xác nhận thay đổi chủ sở hữu tại trang 4 giấy chứng nhận là đúng theo trình tự, quy định của pháp luật

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phòng Công chứng số 2 Thành phố Hồ Chí Minh có đại diện bà Nguyễn Thị Kim Th trình bày:

Xác nhận Phòng Công chứng số 2 Thành phố Hồ Chí Minh có chứng thực Hợp đồng tặng cho một phần nhà ở và quyền sử dụng đất ở ngày 27/7/2011 đối với một phần nhà, đất số 323 L và một phần nhà, đất số 347/164 L, Phường 13, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh; Văn bản khai nhận di sản số công chứng 019621 ngày 24/6/2011 đối với nhà, đất số 347/164 L phường 13, Quận 11 và Văn bản khai nhận di sản số công chứng 019619 ngày 24/6/2011 đối với nhà, đất số 323 L, Phường 13, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vào thời điểm công chứng, Công chứng viên đã thực hiện việc công chứng phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan. Căn cứ trên cơ sở tự nguyện, yêu cầu công chứng hợp pháp và các giấy tờ nhân thân, tài sản của người yêu cầu công chứng xuất trình đầy đủ, phù hợp với quy định của pháp luật. Việc công chứng Hợp đồng, văn bản nêu trên là phù hợp với quy định của pháp luật tại thời điểm công

chứng.

Bà Cung Thị Thanh Ph có đại diện bà Cung Hồng Kim Tr trình bày: Bà Ph là con của ông Cung Thúc Tr và bà Đào Thị T, bà Ph có cùng ý kiến với nguyên đơn.

Bà Cung Hồng Kim Ch có đại diện ông Cung Hồng H trình bày: Bà Ch là con của ông Cung Thúc Tr và bà Đào Thị T, bà Ch có cùng ý kiến với bị đơn.

Bà Cung Hồng Kim D trình bày: Bà có cùng ý kiến với bà Cung Hồng Kim Tr, lý do yêu cầu hủy 02 văn bản khai nhận di sản căn nhà số 323 L và căn nhà số 347/164 L, Phường 13, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh là khi lập thủ tục khai nhận thừa kế phòng công chứng đã không yêu cầu các bà cung cấp hộ khẩu thường trú nên bỏ sót ông Cung Hồng H1 cũng là đồng thừa kế. Về yêu cầu hủy 02 Hợp đồng tặng cho ngày 27/7/2011 giữa ông Cung Thúc Tr và ông Cung Hồng H là do thời điểm này mẹ các bà là Đào Thị T mới mất nên tinh thần ông Cung Thúc Tr suy sụp, lợi dụng thời điểm này ông Cung Hồng H đã gấp rút làm các giấy tờ này để chiếm đoạt phần thừa kế không theo đúng ý nguyện của mẹ bà.

Bà Cung Hồng Kim Th có đại diện bà Cung Hồng Kim D trình bày: Bà Th có cùng ý kiến với bà Diệp.

Công ty TNHH MTV Bánh B có đại diện bà Đỗ Thị Thanh Ng trình bày: Ngày 15/9/2016, Công ty có ký hợp đồng thuê của ông Cung Hồng H một phần căn nhà số 323 L, Phường 13, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh, thời hạn thuê đến ngày 15/6/2019. Khi ký Hợp đồng thuê nhà, phía công ty có sửa chữa lại mặt bằng phía trước để kinh doanh nhưng giá trị không lớn, do đó công ty không yêu cầu các đương sự trong vụ án phải trả lại chi phí sửa chữa.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 1553/2019/DS-ST ngày 05 tháng 11 năm 2019, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ Điều 128, Điều 465, Điều 467, Điều 631, Điều 632 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ khoản 2 Điều 12 Luật Công chứng năm 2006;

Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự 2008;

Tuyên xử:

1/. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Tuyên bố Văn bản khai nhận di sản số 019621 và Văn bản khai nhận di sản số 019619, cùng quyền số 6 lập cùng ngày 24/6/2011 tại Phòng Công chứng số 2, Thành phố Hồ Chí Minh của ông Cung Thúc Tr, bà Cung Thị Thanh Ph, bà Cung Thị Hồng D, bà Cung Hồng Kim Ch, bà Cung Hồng Kim Tr, ông Cung Hồng H, bà Cung Hồng Kim Th vô hiệu.

- Hủy cập nhật biến động ngày 26/7/2011 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất Quận 11 trên Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 1446/2007/UB.GCN của UBND Quận 11 cấp ngày 08/10/2007 và Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 0250/2008/UB.GCN của UBND Quận 11 cấp ngày 31/01/2008.

2/. Không chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn về việc hủy Hợp đồng tặng cho một phần nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại nhà, đất số 323 L, Phường 13, Quận 11 giữa ông Cung Thúc Tr và ông Cung Hồng H ký ngày 27/7/2011 tại Phòng Công chứng số 2, Thành phố Hồ Chí Minh và hủy Hợp đồng tặng cho một phần nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại nhà, đất số 347/164 L, Phường 13, Quận 11 giữa ông Cung Thúc Tr và ông Cung Hồng H ký ngày 27/7/2011 tại Phòng Công chứng số 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/. Không chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn về việc hủy cập nhật biến động ngày 15/9/2011 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất Quận 11 trên Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 1446/2007/UB.GCN của UBND Quận 11 cấp ngày 08/10/2007 và Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 0250/2008/UB.GCN của UBND Quận 11 cấp ngày 31/01/2008.

4/. Đình chỉ giải quyết yêu cầu chia di sản thừa kế của bà Đào Thị T, đình chỉ giải quyết yêu cầu ông Cung Hồng H chấm dứt Hợp đồng thuê nhà 323 L, Phường 13, Quận 11 và chia tiền thuê nhà cho bà Cung Hồng Kim Tr và các đồng thừa kế khác.

5/. Đình chỉ yêu cầu độc lập của bà Trần Thị K. Ghi nhận ông Cung Hồng H trả cho bà Trần Thị K tiền chi phí sửa chữa nhà 323 L, Phường 13, Quận 11 với số tiền 368.657.248 đồng. Thực hiện ngay khi án có hiệu lực pháp luật tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 06/11/2019, bà Cung Hồng Kim Tr có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm; yêu cầu xét xử theo hướng chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, hủy hợp đồng tặng cho giữa ông Cung Thúc Tr và ông Cung Hồng H.

Trong ngày 06/11/2019, bà Cung Thị Hồng D cũng có đơn kháng cáo yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho giữa ông Cung Thúc Tr và ông Cung Hồng H. Đến ngày 20/11/2019, bà Cung Thị Hồng D có đơn xin rút lại toàn bộ yêu cầu kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Cung Hồng Kim Tr vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Cung Hồng Kim Tr trình bày: Việc ông Tr lập hợp đồng tặng cho ông H là không tự nguyện. Sau khi ông Tr ký hợp đồng tặng cho thì có đến Tòa án nhân dân Quận 11 khởi kiện yêu cầu hủy

hợp đồng tặng cho; tuy nhiên sau đó ông Tr rút đơn khởi kiện nên Tòa án nhân dân Quận 11 đã ban hành quyết định đình chỉ giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bị đơn ông Cung Hồng H trình bày: Ông Tr khởi kiện đến Tòa án nhân dân Quận 11 và tự nguyện rút đơn nên Tòa án nhân dân Quận 11 đã đình chỉ giải quyết vụ án. Phía nguyên đơn không đưa ra được các tài liệu, chứng cứ gì cho rằng việc tặng cho có dấu hiệu lừa dối nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, phía nguyên đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì mới. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét thẩm tra, kết quả hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của bà Cung Hồng Kim Tr làm trong hạn luật định, được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bà Cung Thị Hồng D có đơn kháng cáo, tuy nhiên ngày 20/11/2019, bà Diệp có đơn xin rút lại toàn bộ yêu cầu kháng cáo. Căn cứ Điều 289 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với kháng cáo của bà Cung Thị Hồng D.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Cung Thị Hồng D, bà Cung Hồng Kim Ch, bà Cung Hồng Kim Th, bà Trần Thị K, Công ty TNHH MTV Bánh B vắng mặt. Xét thấy, sau khi xét xử sơ thẩm, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nêu trên đồng ý với bản án sơ thẩm và không có kháng cáo; trong quá trình xét xử sơ thẩm cũng đã có lời trình bày đầy đủ. Do đó, việc vắng mặt các đương sự có tên nêu trên không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bà Cung Thị Hồng D, bà Cung Hồng Kim Ch, bà Cung Hồng Kim Th, bà Trần Thị K, Công ty TNHH MTV Bánh B.

[2] Về nội dung:

[2.1] Đối với yêu cầu đề nghị hủy 02 văn bản khai nhận di sản thừa kế của bà Đào Thị T và hủy cập nhật biến động giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:

Nhà, đất tại số 323 L và 347/164 L, Phường 13, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc quyền sở hữu, sử dụng của vợ chồng ông Cung Thúc Tr và bà Đào Thị T. Ngày 01/3/2011, bà Đào Thị T chết, không để lại di chúc. Ngày 24/6/2011, ông Cung Thúc Tr cùng 06 người con của ông Tr, bà T gồm Cung Thị Kim Ph, Cung Thị Hồng D, Cung Hồng Kim Ch, Cung Hồng Kim Tr, Cung Hồng H, Cung Hồng Kim Th cùng đến Phòng công chứng số 2 để khai nhận di sản thừa kế của bà Đào Thị T để lại đối với nhà đất nêu trên. Tuy nhiên, theo tài liệu có trong hồ sơ thể hiện ngoài những người con trên thì ông Tr, bà T còn một người khác tên Cung Hồng H1, sinh năm 1965, trước đây cùng cư trú với gia đình, đến năm 1985 thì bỏ đi biệt tích. Hiện nay các anh chị em trong gia đình đều không xác định được ông H1 còn sống hay đã chết. Trường hợp ông H1 chưa chết thì vẫn có quyền được hưởng di sản thừa kế của bà Đào Thị T theo quy định pháp luật. Việc khai nhận di sản thừa kế bỏ sót người thừa kế Cung Hồng H1 là không đầy đủ. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên vô hiệu 02 Văn bản khai nhận di sản thừa kế của bà Đào Thị T lập ngày 24/6/2011 tại Phòng công chứng số 2, Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Do Văn bản khai nhận di sản thừa kế đối với nhà đất số 323 L và 347/164 L, Phường 13, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh vô hiệu nên việc cập nhật biến động quyền ở hữu nhà, quyền sử dụng đất trên cơ sở 02 văn bản khai nhận di sản thừa kế nêu trên cũng không đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn bà Cung Hồng Kim Tr khởi kiện yêu cầu hủy cập nhật biến động đối với Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 1446/2007/UB.GCN của UBND Quận 11 cấp ngày 08/10/2007 và Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 0250/2008/UB.GCN của UBND Quận 11 cấp ngày 31/01/2008 có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Đối với yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho một phần nhà ở và quyền sử dụng đất giữa ông Cung Thúc Tr và ông Cung Hồng H:

Nhà, đất tại số 323 L và 347/164 L, Phường 13, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Cung Thúc Tr được toàn quyền quyết định đối với $\frac{1}{2}$ tài sản nêu trên và phần thừa kế do bà Đào Thị T chết để lại. Ngày 27/7/2011, ông Cung Thúc Tr ký 02 hợp đồng tặng cho ông Cung Hồng H phần tài sản của mình trong 02 căn nhà nêu trên. Hợp đồng được ký kết trên cơ sở tự nguyện, được công chứng chứng thực hợp pháp.

Nguyên đơn cho rằng thời điểm ký hợp đồng tặng cho ông Cung Thúc Tr không minh mẫn, bị lừa dối nên mới thực hiện hợp đồng tặng cho ông Cung Hồng H nhưng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn và người bảo vệ quyền lợi của nguyên đơn cho rằng việc tặng cho là không tự nguyện vì sau đó ông Tr đã khởi kiện ông H yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho tại Tòa án nhân dân Quận 11. Tuy nhiên, nguyên đơn cũng thừa nhận sau đó ông Tr đã rút đơn khởi kiện, điều đó thể hiện một lần nữa ông Cung Thúc Tr đồng ý với việc tặng cho ông Cung Hồng H phần thừa kế của mình tại nhà đất 323 L và 347/164 L.

Do vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu hủy 02 hợp đồng tặng cho nêu trên là không có cơ sở chấp nhận.

[2.3] Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn đã rút lại yêu cầu khởi kiện chia thừa kế di sản của bà Đào Thị T để lại, yêu cầu ông H chấm dứt hợp đồng cho thuê nhà và chia tiền cho thuê nhà. Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết các yêu cầu nêu trên là đúng quy định pháp luật.

[2.4] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy kháng cáo của bà Cung Hồng Kim Tr không có cơ sở chấp nhận; cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Cung Hồng Kim Tr phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Bà Cung Thị Hồng D rút kháng cáo trước khi mở phiên tòa nên phải chịu 150.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 289, khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

I/. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà Cung Thị Hồng D.

II/. Không chấp nhận kháng cáo của bà Cung Hồng Kim Tr. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 1553/2019/DS-ST ngày 05 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ Điều 128, Điều 465, Điều 467, Điều 631, Điều 632 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ khoản 2 Điều 12 Luật Công chứng năm 2006;

Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự 2008;

Tuyên xử:

1/. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Tuyên bố Văn bản khai nhận di sản số 019621 và Văn bản khai nhận di sản số 019619, cùng quyền số 6 lập cùng ngày 24/6/2011 tại Phòng Công chứng số 2, Thành phố Hồ Chí Minh của ông Cung Thúc Tr, bà Cung Thị Thanh Ph, bà Cung Thị Hồng D, bà Cung Hồng Kim Ch, bà Cung Hồng Kim Tr, ông Cung Hồng H, bà Cung Hồng Kim Th vô hiệu.

- Hủy cập nhật biến động ngày 26/7/2011 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất Quận 11 trên Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 1446/2007/UB.GCN của UBND Quận 11 cấp ngày 08/10/2007 và Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 0250/2008/UB.GCN của UBND Quận 11 cấp ngày 31/01/2008.

2/. Không chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn về việc hủy Hợp đồng tặng cho một phần nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại nhà, đất số 323 L, Phường 13, Quận 11 giữa ông Cung Thúc Tr và ông Cung Hồng H ký ngày 27/7/2011 tại Phòng Công chứng số 2, Thành phố Hồ Chí Minh và hủy Hợp đồng tặng cho một phần nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại nhà, đất số 347/164 L, Phường 13, Quận 11 giữa ông Cung Thúc Tr và ông Cung Hồng H ký ngày 27/7/2011 tại Phòng Công chứng số 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/. Không chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn về việc hủy cập nhật biến động ngày 15/9/2011 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất Quận 11 trên Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 1446/2007/UB.GCN của UBND Quận 11 cấp ngày 08/10/2007 và Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 0250/2008/UB.GCN của UBND Quận 11 cấp ngày 31/01/2008.

4/. Đình chỉ giải quyết yêu cầu chia di sản thừa kế của bà Đào Thị T, đình chỉ giải quyết yêu cầu ông Cung Hồng H chấm dứt Hợp đồng thuê nhà 323 L, Phường 13, Quận 11 và chia tiền thuê nhà cho bà Cung Hồng Kim Tr và các đồng thừa kế khác.

5/. Đình chỉ yêu cầu độc lập của bà Trần Thị K. Ghi nhận ông Cung Hồng H trả cho bà Trần Thị K tiền chi phí sửa chữa nhà 323 L, Phường 13, Quận 11 với số tiền 368.657.248 đồng. Thực hiện ngay khi án có hiệu lực pháp luật tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

III/. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

IV/. Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Cung Hồng Kim Tr phải chịu 300.000 đồng; khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0045017 ngày 21/11/2019 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Cung Hồng Kim Tr đã thực hiện xong.

Bà Cung Thị Hồng D phải chịu 150.000 đồng; khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí bà Diệp đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0045018 ngày 21/11/2019 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Cung Thị Hồng D được nhận lại 150.000 đồng.

V/. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

VI/. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Công Mười

Lê Thành Văn

Trần Thị Thu Thủy